

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

Số: /UBND- VX
V/v kết quả tiêm tháng 8/2022 và
giao chỉ tiêu tiêm vắc xin
phòng Covid-19 tháng 9/2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Lào Cai, ngày tháng năm 2022

Kính gửi:

- Các sở: Y tế, Thông tin và Truyền thông, Nội vụ;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Hiện nay tình hình dịch COVID-19 tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường và đã bùng phát trở lại tại một số quốc gia. Số ca mắc COVID-19 trên địa bàn tỉnh liên tục gia tăng, có ngày lên đến hơn 100 ca/ngày. Số ca mắc có triệu chứng phải nhập viện điều trị có xu hướng tăng với 41 trường hợp đang điều trị tại các bệnh viện tuyến tỉnh, huyện. Do đó cần đẩy mạnh hơn nữa việc tiêm vắc xin, coi vắc xin là biện pháp chiến lược quan trọng nhất, quyết định trong phòng, chống dịch COVID-19. Ngày 29/7/2022 UBND đã ban hành Công văn số 3450/UBND-VX về việc giao chỉ tiêu tiêm vắc xin phòng COVID-19 trong tháng 8/2022 với tổng số liều vắc xin cần phải tiêm cho các đối tượng là 240.730 liều. Tổng số mũi đã tiêm trong tháng 8/2022 được 147.925 liều, đạt: 61,4% kế hoạch giao.

UBND tỉnh đánh giá cao sự nỗ lực của các huyện, thị xã, thành phố trong tháng 8/2022 đã tập trung chỉ đạo, vận động người dân, tổ chức tiêm vắc xin phòng COVID-19 đạt hiệu quả cao, trong đó: Biểu dương sự nỗ lực của huyện Bảo Thắng với tỷ lệ đạt cao nhất 88,6% và huyện Văn Bàn đạt 75,2% kế hoạch giao. Phê bình huyện Bảo Yên đạt 51,0% và thị xã Sa Pa đạt 45,6% kế hoạch giao.

(Kết quả chi tiết theo phụ lục 1, 2 kèm theo)

Để tăng cường Công tác tiêm phòng vắc xin COVID-19, đảm bảo an toàn phòng chống dịch bệnh, Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu:

1. UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Chỉ đạo triển khai quyết liệt các giải pháp tiêm vắc xin phòng COVID-19, không bỏ sót đối tượng trong diện cần được tiêm chủng, tăng tỷ lệ bao phủ vắc xin cho người dân. Đặc biệt là đẩy nhanh tiến độ tiêm chủng cho người từ đủ 5 đến 11 tuổi, hoàn thành sớm nhất việc tiêm mũi 3, mũi 4 cho người từ đủ 18 tuổi trở lên và đẩy nhanh tiêm mũi 3 cho người từ đủ 12 đến 17 tuổi theo hướng dẫn của Bộ Y tế. Xây dựng kế hoạch, giao chỉ tiêu cụ thể, rõ ràng cho từng đối tượng ở từng địa bàn và khen thưởng đối với các xã thực hiện tốt, phê bình các xã không đạt chỉ tiêu.

(Chỉ tiêu tiêm vắc xin trong tháng 9 theo phụ lục 3 gửi kèm văn bản)

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác thông tin truyền thông về tiêm vắc xin, lợi ích, hiệu quả của vắc xin. Cảnh báo về các biến thể mới của Omicron và hướng dẫn người dân chăm sóc sức khỏe sau nhiễm COVID-19

2. Giao Sở Y tế

- Tiếp tục tổ chức các đoàn giám sát công tác tiêm vắc xin phòng COVID-19 tại các huyện, thị xã, thành phố; Tăng cường tổ chức tiêm chủng khoa học, an toàn, hiệu quả.

- Bảo đảm cung ứng, phân bổ đầy đủ, phù hợp, kịp thời vắc xin phòng COVID-19 theo nhu cầu của các địa phương, không để tình trạng thiếu vắc xin. Đôn đốc, hỗ trợ, hướng dẫn và kiểm tra việc tổ chức tiêm vắc xin phòng COVID-19 tại các địa phương.

3. Giao Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì phối hợp với Sở Y tế và UBND các huyện, thị xã, thành phố tăng cường công tác truyền truyền để người dân đi tiêm vắc xin phòng COVID-19 theo đúng lịch tiêm; đồng thời tiếp tục thực hiện tốt các biện pháp phòng dịch phù hợp, tuyệt đối không được chủ quan, lơ là mất cảnh giác.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục phối hợp với Trung tâm Y tế các huyện tiếp tục tổ chức tiêm cho học sinh thuộc độ tuổi tiêm chủng từ 5 đến dưới 18 tuổi chưa tiêm chủng hoặc tiêm chủng chưa đầy đủ. Hoàn thành việc tiêm mũi 2 trẻ 5-11 tuổi và mũi 3 trẻ từ 12 đến dưới 18 tuổi trong tháng 9/2022

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục tăng cường tuyên truyền cho phụ huynh, học sinh về biện pháp phòng, chống dịch COVID-19; lợi ích của việc tiêm chủng đồng thời hướng dẫn cho giáo viên vận động phụ huynh đưa con em đi tiêm vắc xin phòng COVID-19.

5. Sở Nội Vụ

Trên cơ sở kết quả tiêm vắc xin phòng COVID-19 trong tháng 8/2022 nêu trên của các huyện, thị xã, thành phố để làm căn cứ xét thi đua, khen thưởng năm 2022.

Yêu cầu Thủ tướng các đơn vị, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Huyện uỷ, Thị uỷ, Thành uỷ;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TH3, VX2.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Giàng Thị Dung

Phụ lục 1: Kết quả tiêm vắc xin phòng COVID-19 trong tháng 8/2022
(Kèm theo Công văn số /UBND-VX ngày /9/2022 của UBND tỉnh Lào Cai)

Biểu 1: Tổng kết quả tiêm trong tháng 8/2022 theo chỉ tiêu giao

TT	Địa phương	Tổng số đối tượng đủ điều kiện tiêm theo Kế hoạch	Tổng số mũi tiêm trong tháng	Tỷ lệ % so với Kế hoạch
1	Bảo Thắng	38.897	34.450	88,6
2	Văn Bàn	30.157	22.663	75,2
3	Bắc Hà	17.149	10.694	62,4
4	Mường Khương	18.568	10.506	56,6
5	Bát Xát	20.179	11.347	56,2
6	Si Ma Cai	10.181	5.585	54,9
7	TP Lào Cai	50.920	26.067	51,2
8	Bảo Yên	31.226	15.912	51,0
9	Sa Pa	23.453	10.701	45,6
	Tổng	240.730	147.925	61,4

Biểu 2: Kết quả tiêm trong tháng 8/2022 cho trẻ từ 5 đến dưới 18 tuổi

TT	Địa phương	Trẻ 5 đến dưới 12 tuổi						Trẻ 12-17 tuổi								
		Mũi 1			Mũi 2			Mũi 1			Mũi 2			Tiêm nhắc lại		
		Mũi 1 (Kế hoạch giao)	Kết quả tiêm trong tháng	Tỷ lệ %	Kế hoạch giao	Kết quả tiêm trong tháng	Tỷ lệ %	Kế hoạch giao	Kết quả tiêm trong tháng	Tỷ lệ %	Kế hoạch giao	Kết quả tiêm trong tháng	Tỷ lệ %	Kế hoạch giao	Kết quả tiêm trong tháng	Tỷ lệ %
1	Bảo Thắng	2.341	1.927	82,3	5.663	4.187	73,9	0	114		134	243	181,3	4.546	1.958	43,1
2	Bảo Yên	2.360	2.084	88,3	5.170	3.328	64,4	66	89	134,8	147	190	129,3	5.606	1.928	34,4
3	Bát Xát	1.267	916	72,3	3.537	2.288	64,7	86	78	90,7	244	157	64,3	4.629	1.503	32,5
4	Bắc Hà	1.808	951	52,6	4.029	2.519	62,5	0	27		354	107	30,2	3.937	1.197	30,4
5	Mường Khương	917	497	54,2	3.029	1.843	60,8	0	31		387	187	48,3	3.461	1.111	32,1
6	Sa Pa	2.186	1.301	59,5	4.347	1.960	45,1	110	144	130,9	470	215	45,7	7.536	2.681	35,6
7	Si Ma Cai	1.492	715	47,9	1.834	679	37,0	42	43	102,4	258	84	32,6	3.463	1.063	30,7
8	TP Lào Cai	6.809	4.986	73,2	7.723	7.008	90,7	8	14	175,0	63	62	98,4	10.688	3.934	36,8
9	Văn Bàn	2.275	1.563	68,7	5.272	3.318	62,9	0	75		630	270	42,9	4.816	1.922	39,9
Tổng		21.455	14.940	69,6	40.604	27.130	66,8	312	615	197,1	2687	1515	56,4	48.682	17.297	35,5

Biểu 2. Kết quả tiêm trong tháng 8/2022 cho người từ 18 tuổi trở lên

TT	Địa phương	Người từ 18 tuổi trở lên											
		Mũi 1			Mũi 2			Mũi nhắc lại 1			Mũi nhắc lại 2		
		Kế hoạch giao	Kết quả tiêm trong tháng	Tỷ lệ %	Kế hoạch giao	Kết quả tiêm trong tháng	Tỷ lệ %	Kế hoạch giao	Kết quả tiêm trong tháng	Tỷ lệ %	Kế hoạch giao	Kết quả tiêm trong tháng	Tỷ lệ %
1	Bảo Thắng	152	194	127,6	6	198	3300,0	4.335	3.724	85,9	21.720	21.894	100,8
2	Bảo Yên	187	225	120,3	341	201	58,9	5.505	2.296	41,7	11.844	5.538	46,8
3	Bát Xát	171	19	11,1	354	38	10,7	2.075	1.668	80,4	7.816	4.658	59,6
4	Bắc Hà	93	43	46,2	398	190	47,7	1.796	1.614	89,9	4.734	4.046	85,5
5	Mường Khương	145	156	107,6	104	141	135,6	3.994	2.652	66,4	6.531	3.881	59,4
6	Sa Pa	367	40	10,9	83	112	134,9	2.807	939	33,5	5.547	3.309	59,7
7	Si Ma Cai	37	49	132,4	68	80	117,6	246	719	292,3	2.741	2.149	78,4
8	TP Lào Cai	7	39	557,1	45	36	80,0	3.487	2.079	59,6	22.090	7.909	35,8
9	Văn Bàn	3	60	2000,0	1798	126	7,0	1.269	2.715	213,9	14.094	12.536	88,9
Tổng		1162	825	71,0	3197	1122	35,1	25.514	18.406	72,1	97.117	65.920	67,9

Phụ lục 2: Luỹ kế tiêm theo lứa tuổi của từng địa phương đến 04/9/2022
(Kèm theo Công văn số /UBND-VX ngày /9/2022 của UBND tỉnh Lào Cai)

TT	Địa phương	Tổng dân số toàn tỉnh	TỔNG TIÊM	Người từ 5 đến dưới 12 tuổi				Người từ 12- dưới 18 tuổi		Người trên 18 tuổi			
				Mũi 1		Mũi 2		Số mũi đã tiêm nhắc lại	Tỷ lệ	Mũi nhắc lại 1		Mũi nhắc lại 2	
				Đã tiêm	Tỷ lệ	Đã tiêm	Tỷ lệ			Đã tiêm	Tỷ lệ	Đã tiêm	Tỷ lệ
	Tổng	762.845	2.165.646	111.608	95	83.477	71	51.349	60	396.700	92,2	141.473	68,2
1	Bảo Thắng	113.390	300.429	14.984	98	11.659	76	7.253	72	62.636	95,6	30.837	89,0
2	Bảo Yên	84.290	223.815	12.337	99	8.402	67	6.066	61	41.320	84,2	11.514	49,5
3	Bát Xát	80.457	216.935	12.694	98	10.608	82	6.294	65	46.789	93,3	11.935	66,7
4	Bắc Hà	69.304	168.229	10.820	93	8.473	73	5.389	64	34.360	95,3	11.257	68,6
5	Mường Khương	66.147	152.741	10.879	96	9.202	82	4.945	65	27.276	82,9	8.299	59,4
6	Sa Pa	71.248	170.204	10.772	94	7.066	61	4.444	46	33.845	87,3	9.752	63,4
7	Si Ma Cai	39.074	87.513	6.107	92	4.142	62	2.482	49	17.496	93,7	5.617	79,4
8	Thành phố Lào Cai	145.872	409.051	19.692	92	14.047	66	8.024	54	88.596	96,0	33.065	61,7
9	Văn Bàn	93.063	249.345	13.323	96	9.878	71	6.452	65	44.382	94,9	19.197	76,4

Phụ lục 3: Chỉ tiêu giao số lượng cần tiêm vắc xin phòng COVID-19 trong tháng 9/2022
(Kèm theo Công văn số /UBND-VX ngày /9/2022 của UBND tỉnh Lào Cai)

TT	Điểm tiêm	Tổng số đối tượng đủ điều kiện tiêm	Trẻ 5 -11 tuổi			Trẻ 12-17 tuổi				Người từ 18 tuổi trở lên				
			Tổng	Mũi 1	Mũi 2	Tổng	Mũi 1	Mũi 2	Mũi 3	Tổng	Mũi 1	Mũi 2	Mũi 3 (nhắc lại lần 1)	Mũi 4 (nhắc lại lần 2)
1	Bảo Thắng	13.350	3.817	414	3.403	2.836	0	5	2.831	6.697	0	2	2.384	4.311
2	Bảo Yên	25.626	4.202	276	3.926	4.012	98	46	3.868	17.412	71	365	4.963	12.013
3	Bát Xát	15.829	2.516	351	2.165	3.418	77	58	3.283	9.895	0	56	3.092	6.747
4	Bắc Hà	13.220	3.318	857	2.461	2.847	0	0	2.847	7.055	0	0	1.769	5.286
5	Mường Khương	15.455	2.103	420	1.683	2.698	0	161	2.537	10.654	10	59	4.561	6.024
6	Sa Pa	19.308	4.573	885	3.688	5.124	0	54	5.070	9.611	261	8	3.248	6.094
7	Si Ma Cai	7.961	2.647	777	1.870	2.608	27	97	2.484	2.706	27	0	1.173	1.506
8	TP Lào Cai	37.625	7.524	1.823	5.701	6.823	7	0	6.816	23.278	1	17	2.348	20.912
9	Văn Bàn	19.061	4.225	712	3.513	3.537	1	372	3.164	11.299	2	1404	2.523	7.370
Tổng		167.435	34.925	6.515	28.410	33.903	210	793	32.900	98.607	372	1.911	26.061	70.263